

Số: **3226**/QĐ-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **30** tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc trợ cấp xã hội học kỳ 3 năm 2023 cho sinh viên hình thức chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan vào Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ Công văn số 14626/BTC-KHTC ngày 16 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với sinh viên các Trường thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2034/QĐ-ĐHTCM ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành Quy định trích lập và sử dụng Quỹ hỗ trợ sinh viên;

Căn cứ Quyết định số 2239/QĐ-ĐHTCM ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành Quy định về chế độ chính sách đối với sinh viên hình thức chính quy;

Căn cứ hồ sơ xin trợ cấp xã hội của sinh viên và Thông báo số 2648/TB-ĐHTCM ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về kết luận của Chủ tịch hội đồng tại cuộc họp xét miễn giảm học phí, trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí học tập và hỗ trợ học phí kỳ 3 năm 2023 cho sinh viên hình thức chính quy;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trợ cấp xã hội học kỳ 3 năm 2023 cho **58 sinh viên** hình thức chính quy với tổng số tiền là: **24.320.000đ** (Hai mươi bốn triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng chẵn).

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Căn cứ danh sách sinh viên và mức trợ cấp xã hội, Phòng Tài chính – Kế toán thực hiện trợ cấp xã hội cho sinh viên theo quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) trưởng các Khoa: Công nghệ thông tin, Du lịch, Kế toán – Kiểm toán, Kinh tế – Luật, Marketing, Ngoại ngữ, Quản trị kinh doanh, Tài chính – Ngân hàng, Thẩm định giá – Kinh doanh bất động sản, Thuế – Hải quan, Thương mại; Đoàn thanh niên; các phòng: Công tác sinh viên, Tài chính – Kế toán, Thanh tra giáo dục, Quản lý đào tạo, Khảo thí và Quản lý chất lượng và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Như Điều 3;
- Website Trường;
- Lưu: VT, TCKT, CTSV.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Lê Trung Đạo

BẢNG TỔNG HỢP: TRỢ CẤP XÃ HỘI KỲ 3 NĂM 2023 CHO SINH VIÊN HÌNH THỨC CHÍNH QUY

STT	Khóa học	Mức trợ cấp: 560.000		Mức trợ cấp: 400.000		Tổng cộng	
		Số lượng SV	Mức trợ cấp(đ)	Số lượng SV	Mức trợ cấp(đ)	Số lượng SV	Số tiền trợ cấp (đ)
I	Trợ cấp xã hội thực hiện theo Công văn số 14626/BTC-KHTC của Bộ Tài chính.						
1	20D	1	560.000	9	400.000	10	4.160.000
2	21D	3	560.000	20	400.000	23	9.680.000
3	22D	2	560.000	12	400.000	14	5.920.000
4	23D	1	560.000	10	400.000	11	4.560.000
	Cộng:	7		51		58	24.320.000

Trong đó:

SV là người DT, sống ở vùng cao:

7

SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo):

45

SV mồ côi cả cha lẫn mẹ:

6

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2023
TP. CÔNG TÁC SINH VIÊN

TS. Nguyễn Thanh Hải

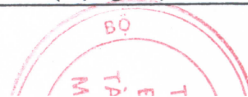
BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI KỲ 3 NĂM 2023 HÌNH THỨC CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số: **3226** /QĐ-ĐHTCM ngày **30** / 11 /2023)

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Dân tộc	Đối tượng được TCXH	Mức trợ cấp	Số tháng	Thành tiền (đ)	Số TK Ngân hàng
I	Khoa Công nghệ thông tin									
1	2121011608	Vũ Minh	Hạnh	21DTH2	Kinh	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001474006
2	2321004115	Trịnh Thị	Trị	23DHT04	Kinh	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	8870464073
		Cộng:	2						800.000	
II	Khoa Du lịch									
1	2021006231	Bùi Lê Diễm	Châu	20DKS03	Kinh	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	1017334504
2	2221004579	Trần Thủy	Tiên	22DLH03	Kinh	Sinh viên mồ côi cả Cha lẫn Mẹ	100.000	4	400.000	1032753459
		Cộng:	2						800.000	
III	Khoa Kế toán - Kiểm toán									
1	2021005758	Tạ Thùy	Dương	20DKT2	Kinh	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	1017334334
2	2121009191	Nguyễn Thị Huỳnh	Nhi	21DAC2	Kinh	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001461080
3	2121009256	Đào Phương	Anh	21DKT2	Kinh	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001461406
4	2221003835	Vũ Thị Hồng	Lý	22DKT01	Kinh	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001582370
5	2321003758	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	23DKT02	Kinh	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	8820463879
		Cộng:	5						2.000.000	
IV	Khoa Kinh tế - Luật									
1	2121009619	Phan Thị Phương	Anh	21DLD01	Kinh	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001460847



STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Dân tộc	Đối tượng được TCXH	Mức trợ cấp	Số tháng	Thành tiền (đ)	Số TK Ngân hàng
2	2121012870	Nguyễn Anh	Duy	21DTL01	Kinh	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001461497
3	2321004199	Trần Phạm Ngọc	Tuyết	23DLD01	Kinh	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	8860464157
4	2321000240	Nguyễn Thị	Kiều	23DEM02	Kinh	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	8890462268
		Cộng:	4						1.600.000	
V	Khoa Marketing									
1	2021000640	Đinh Ngọc	My	20DMA2	Khơ Me	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	1017333192
2	2021000571	Nông Thành	Son	20DQH1	Tày	SV là người DT, sống ở vùng cao	140.000	4	560.000	1017333177
3	2121011511	Nguyễn Thị	Hòa	21DMC2	Tày	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001461114
4	2121012211	Hứa Thị	Minh	21DMC2	Nùng	SV là người DT, sống ở vùng cao	140.000	4	560.000	31310001461318
5	2121007628	Nguyễn Thị Hoa	Mỹ	21DMC2	Kinh	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001460953
6	2121007557	Lê Phú	Hào	21DMC3	Kinh	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001461239
7	2121007545	Đặng Thị Hoài	Thu	21DMC3	Kinh	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001461424
8	2121012594	Trần Thái	Tài	IP_21DMA03	Kinh	Sinh viên mồ côi cả Cha lẫn Mẹ	100.000	4	400.000	1024273035
9	2221004899	Sầm Minh	Khoa	22DMA	Tày	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001586804
10	2221004904	H' Oanh	Niê	22DMC1	Êđê	SV là người DT, sống ở vùng cao	140.000	4	560.000	31310001598696
11	2221001397	Nông Thị Mỹ	Tâm	22DMC1	Nùng	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001586363
12	2221004892	Thái Xuân	Hằng	22DQH	KINH	Sinh viên mồ côi cả Cha lẫn Mẹ	100.000	4	400.000	31310001586567

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Dân tộc	Đối tượng được TCXH	Mức trợ cấp	Số tháng	Thành tiền (đ)	Số TK Ngân hàng
13	2221001375	Châu Thị Kim	Oanh	22DQH	Chăm	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001586309
14	2321001242	Lê Thị Thu	Nguyệt	23DMA01	Kinh	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	8850462786
15	2321004505	Não Nữ Ngọc	Trang	23DMA03	Chăm	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	8880464412
		Cộng:	15						6.480.000	
VI Khoa Ngoại ngữ										
1	2021007623	Nguyễn Thị Minh	Anh	20DTA03	Kinh	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	1017597475
2	2021007723	Trần Thị Ánh	Tuyết	20DTA03	Kinh	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	1017597555
3	2121013047	Lý Thị Trúc	Ly	21DTA03	Kinh	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001482601
		Cộng:	3						1.200.000	
VII Khoa Quản trị kinh doanh										
1	2021003507	Lý Thu	Hiền	20DBH2	Hoa	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	1017333796
2	2121006649	Võ Thị Thảo	Linh	21DBH1	Kinh	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001460759
3	2121007088	Lê Xuân	Huân	21DBH2	Kinh	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001462162
4	2121006645	Nguyễn Thị Phương	Chi	21DQT3	Kinh	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001461035
5	2221000779	Lê Thị Hồng	Tươi	22DBH1	Kinh	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001591118
6	2221001147	Nguyễn Chung	Tú	CLC_22DQT02	Kinh	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	1032644370
		Cộng:	6						2.400.000	
VIII Khoa Tài chính - Ngân hàng										
1	2021005222	Mai Thành	Đạt	20DNH1	Kinh	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	1016996563
2	2221002882	Nguyễn Nhim Minh	Anh	22DTC3	Kinh	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001595721

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Dân tộc	Đối tượng được TCXH	Mức trợ cấp	Số tháng	Thành tiền (đ)	Số TK Ngân hàng
3	2121013086	Trần Y Thanh	Trúc	CLC_21DNH02	Xê đăng	SV là người DT, sống ở vùng cao	140.000	4	560.000	1024272812
4	2321003613	Nguyễn Ngọc	Thúy	23DFT01	Kinh	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	8880463749
5	2321002665	Lưu Hồng	Anh	23DTC08	Tày	SV là người DT, sống ở vùng cao	140.000	4	560.000	8880463225
6	2321003510	Nguyễn Bùi Ý	Tốt	TH_23DTC05	Kinh	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	1041743316
		Cộng:	6						2.720.000	
IX	Khoa Thẩm định giá - Kinh doanh bất động sản									
1	2021004039	Nguyễn Hoàng	Chí	20DKB01	Kinh	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	1017371025
		Cộng:	1						400.000	
X	Khoa Thuế - Hải quan									
1	2021005402	Huỳnh Ngọc Thùy	Vân	20DHQ1	Kinh	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	1017334252
2	2121008455	Trần Duy	Phúc	21DHQ2	Kinh	Sinh viên mồ côi cả Cha lẫn Mẹ	100.000	4	400.000	31310001489888
3	2121008640	Trần Thị Mỹ	Thơm	21DPF	Kinh	Sinh viên mồ côi cả Cha lẫn Mẹ	100.000	4	400.000	31310001460801
4	2221003166	Hồ Lê Huỳnh	Như	22DHQ2	Kinh	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001594454
5	2221003262	Ngọc Thị Minh	Thư	22DTC05	Tày	SV là người DT, sống ở vùng cao	140.000	4	560.000	31310001595606
		Cộng:	5						2.160.000	
XI	Khoa Thương mại									
1	2121013574	Nguyễn Vy	Quý	21DLG2	Kinh	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001460935
2	2121013616	Nguyễn Thị Thu	Trang	21DLG2	Kinh	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001460971
3	2121012941	Bùi Thị Ngọc	Ánh	21DTM1	Mường	SV là người DT, sống ở vùng cao	140.000	4	560.000	31310001481787

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Dân tộc	Đối tượng được TCXH	Mức trợ cấp	Số tháng	Thành tiền (đ)	Số TK Ngân hàng
4	2121002108	Nguyễn Thị Ái	Vân	21DTM1	Kinh	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001461123
5	2121002186	Lê Thị	Vinh	21DTM2	Kinh	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001501807
6	2221002385	Lê Thị Cẩm	Tú	22DTM2	Kinh	Sinh viên mồ côi cả Cha lẫn Mẹ	100.000	4	400.000	31310001580143
7	2221002810	Nguyễn Quỳnh Như	Ý	CLC_22DTM05	Kinh	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	1032646724
8	2321002345	Huỳnh Ngọc Kim	Khánh	TH_23DLG01	Kinh	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	1041742315
9	2321002422	Đinh Vũ Kim	Ngân	TH_23DLG03	Kinh	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	1041744954
		Cộng:	9						3.760.000	
		Tổng cộng:	58	sinh viên					24.320.000	

Bằng chữ: Hai mươi bốn triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng chẵn./.

NGƯỜI LẬP

TP. CÔNG TÁC SINH VIÊN

TP. TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Thái T. Lan Anh

TS. Nguyễn Thanh Hải

TS. Hoàng Thái Hưng

TS. Lê Trung Đạo

Thái T. Lan Anh

TS. Nguyễn Thanh Hải

TS. Hoàng Thái Hưng

TS. Lê Trung Đạo

